



H^oC ANH NG^o TRÊN ĐÀI VOA

Đ^o nghe bài h^oc, xin [B^oM VÀO ĐÁY](#)

Đây là ch^ong trình Anh Ng^o Sinh Đ^ong New Dynamic English bài 164. Ph^om Văn xin kính chào quý v^o. M^o đ^ou bài h^oc, quý v^o nghe m^ou đàm tho^oi gi^oa anh Bill và cô Sandra. Hai ng^o i s^op xa nhau. Anh Bill nói: "I'm sorry I have to leave." =r^ot ti^oc là anh ph^oi đi r^oi. Xin nghe tr^oc, r^oi khi nghe l^oi, xin l^op l^oi.

Cut 1

Daily Dialogue: Saying Good-bye (Part 2)

Larry: Daily Dialogue: Saying Good-bye (Part 2)

Bill will write to Sandra every day, and call her every night. Bill s^o vi^ot th^o cho Sandra m^oi ngày và t^oi nào cũng g^oi đ^oi n tho^oi cho cô. Will you think of me? Will you think about me? Em có nghĩ đ^on anh không? Of course, I will. =đ^onhiên, em s^o nghĩ đ^on anh. I can't wait to read your letters. =em nóng lòng mu^on đ^oc th^o anh.

I'll call you every night. Anh s^o g^oi đ^oi n tho^oi cho em m^oi t^oi.

It will be so good to hear your voice. Nghe gi^ong anh thì thích thú l^om.

Larry: Listen to the conversation.

SFX: airport announcements [l^oi loan báo trên loa phóng thanh ^o phi tr^oc ng.]

Bill: I'm sorry I have to leave, Sandra.

(short pause)

Sandra: I'm sorry too, Bill. I'll miss you.

(short pause)

Bill: I'll write to you every day.

(short pause)

Sandra: I can't wait to read your letters.

(short pause)

Bill: And I'll call you every night.

(short pause)

Sandra: It will be so good to hear your voice.

(short pause)

Bill: Will you think about me?

(short pause)

Sandra: Of course, I will.

(short pause)

Larry: Listen and repeat.

Bill: And I'll call you every night.

(pause for repeat)

Sandra: It will be so good to hear your voice.

(pause for repeat)

Bill: Will you think about me?

(pause for repeat)

Sandra: Of course, I will.

(pause for repeat)

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong phần tiếp, Man on the Street, Kent Moss phỏng vấn một nhân viên Cục Điều tra Liên bang Federal Bureau of Investigation, gọi tắt là FBI. Nhân viên sẽ đi u tra (thẩm sát viên) gọi là "agent." Nhân viên cảnh sát gọi là "officer." Chữ Bureau có nghĩa là "Phòng, sở" nhưng ở đây FBI là cơ quan liên bang rồi thì nên ta dùng chữ "Cục". A criminal=kẻ tội phạm. Danh từ crime=tội, to commit a crime=phạm một tội. To arrest=bắt giữ. To wait for=chờ. Wait for me.=hãy chờ tôi. Gun=khẩu súng. To shoot/shot/shot=bắn. Dangerous=nguy hiểm. Nghe rồi mà Kent Moss nghi là nguy hiểm té ra là ông bắt của nhân viên điều tra an ninh Johnson.

Cut 2

Man on the Street: Agent Johnson

Larry: Man on the Street

Kent is speaking with an FBI agent.

- an FBI agent thẩm sát viên Cục điều tra liên bang.
- a criminal=kẻ tội phạm.

If he comes out, will you arrest him? Nếu ông ta từ tòa nhà bước ra thì ông có bắt giữ không?

UPBEAT MUSIC

Kent: This is the New Dynamic English Man on the Street, Kent Moss.

With me is Agent Johnson of the FBI.

Agent Johnson, can you tell me what you're doing here?

Johnson (male): I'm waiting for someone.

Kent: A criminal?

Is a criminal going to come out of that apartment?

Johnson: Possibly.

Kent: If he comes out, will you arrest him?

Johnson: I may.

Kent: If he has a gun, will you shoot him?

Johnson: Perhaps.

Kent: Look!

That man walking towards us... is he the one you're waiting for?

Johnson: Yes, he is.

Kent: He looks very dangerous.

Johnson: Dad... hi!

MUSIC

NDE Closing

Larry: A Question for You

Max: Now here's a question for you.

Larry: Listen for the bell, then say your answer.

Max: Do you think you will change your job this year?

(ding)

(pause for answer)

Max: Hmm... interesting.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong phần Câu chuyện giữa bài Story Interlude, ta nghe nói về những con vật cưng nuôi trong nhà như chó, mèo, gấu là pets. To fight=đánh nhau fight/fought/fought. To chase=đuổi theo. The dog Buster likes to chase the cat.=con chó Buster thích đuổi con mèo. Tough=gan dạ [ghét nhảm /f./] Felix is a tough cat.=Felix là một con mèo gan dạ, không dễ bắt nạt. Chữ “tough” có nhiều nghĩa. Nghĩa gốc nhất là khó, difficult. A tough boss.=một ông sếp nghiêm khắc, chặt chẽ (strict). A tough customer=khách hàng khó tính. A tough problem=một vấn đề gay go. Tough steak=thịt bò dai. Tough time=thời gian khó khăn. Tough it out=endure, phớt lờ những quy tắc khi gặp hoàn cảnh khó khăn. Tough love=trừng phạt những câu “yêu cho roi cho vọt” [nhờ cha mẹ dạy dỗ yêu con mà bỏ ngoài phớt lờ những vấn đề của con]. A tough neighborhood.=khu thị trấn an ninh. To toughen: to make tougher, làm cứng rắn thêm.

The city is toughening its anti-smoking law=thành phố đang củng cố quy tắc thi-hành luật cấm hút thuốc. A dog needs a lot of attention=chó cần sự chú ý săn sóc nhiều. Goldfish=cá vàng. Swim/swam/swum.=bơi. Independent=độc lập. Cats are more independent.=mèo chơi một mình, không phụ thuộc vào sự chăm sóc hàng ngày như chó. Những xét: fish là số ít và số nhiều: a fish; two fish. I caught three huge fish today: hôm nay tôi bắt được ba con cá lớn. Muốn nói một đàn cá thì nói “a school of fish.”

Cut 3

Story Interlude: Pets

Larry: OK... and we're off the air. Good show.

Kathy: Max, do you have a pet?

Max: Yes, we do. Actually, we have two pets.

We have a dog... and we have a cat.

Kathy: A dog and a cat. Do they fight?

Max: No, not really.

But the dog, Buster, likes to chase the cat.

They're just playing.

And the cat, Felix, is a pretty tough cat.

Do you have a pet, Kathy?

Kathy: Well, yes. I have two pets, too.

But they're not very exciting.

Max: Do you have a dog?

Kathy: No, I have two fish. I have some goldfish.

They're nice to look at, but they don't do much.

They just swim around.

I was thinking about getting a dog.

Max: But dogs need a lot of attention.

Cats are easier.

They're more independent.

Kathy: Hmm. I like cats, too.

SFX: Elizabeth entering

Eliz: Hi, Max, Kathy. Hello, Larry.

Larry: Alri-i-i-ght. Ready for Functioning in Business. Cue Music..

Vietnamese Explanation

Trong đ⊂ n t⊂ i, Anh Ng⊂ Th⊂ ng M⊂ i Trung c⊂ p, m⊂ t ch⊂ ng tr⊂nh v⊂ t⊂ p t⊂ c và v⊂n ho⊂ trong th⊂ ng tr⊂ ng Hoa K⊂ , ta nghe Elizabeth Moore ph⊂ ng v⊂ n ông David Gomez v⊂ bu⊂ i bàn chuy⊂ n mua ng⊂ i máy robots v⊂ i ông Blake. Đây là Ph⊂ n Th⊂ ng L⊂ ng 5, Negotiations, Part 5. To discuss=th⊂ o lu⊂ n. Discussion=cu⊂ c th⊂ o lu⊂ n. Successful=th⊂nh công. Danh t⊂ success. Main issues=v⊂ n đ⊂ chính. To end=ch⊂ m đ⊂ t. To end a conversation=ch⊂ m đ⊂ t cu⊂ c nói chuy⊂ n. Feedback=y⊂ ki⊂ n, l⊂ i ph⊂ bình, opinion, criticism. After you read this report, I need your feedback=sau khi đ⊂ c b⊂ n t⊂ ng tr⊂nh này, t⊂i c⊂ n b⊂ n cho y⊂ ki⊂ n. Employees should be given frequent feedback on their work.=nh⊂n vi⊂n n⊂n đ⊂ c c⊂ p ch⊂ huy th⊂ ng cho bi⊂ t y⊂ ki⊂ n v⊂ vi⊂ c làm c⊂ a h⊂ . Positive feedback.=khen; negative feedback=chê.

Cut 4

FIB Opening

FIB MUSIC lead-in and then background

Eliz: Hello, I'm Elizabeth Moore. Welcome to Functioning in Business!

MUSIC swells and fades

Larry: Functioning in Business is an intermediate level business English course with a focus on American business practices and culture.

Today's unit is "Negotiations, Part 5."

This program focuses on Giving Feedback.

MUSIC

Interview: Dave Gomez

Larry: Interview

Eliz: Today, we are talking again to Mr. David Gomez.

SFX: Phone beep

Eliz: Hello, Mr. Gomez.

Gomez: Hello. It's nice to talk to you again.

Eliz: Your discussions with Mr. Blake were successful, weren't they?

Gomez: Yes, we met for about an hour and half.

And I felt that we discussed all the main issues.

Eliz: Let's listen to how you ended those discussions.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong ph n t i, ta nghe m u đàm tho i gi a ông David Gomez và Ông Blake. Ông Gomez mu n ông Blake g i nh ng b n bá cáo v hi u-năng c a máy robots c a nh ng công ty đã dùng máy robots này—reports on the performance of the robots from other companies who had used them. Client=thân ch , customer. Trong câu “Coud you get those off to me within a few weeks?” thì “get those off” có nghĩa là “send these reports to me,” g i cho tôi nh ng b n bá cáo này trong vòng vài tu n . I'll see to it.=tôi s lo chuy n đó, I'll make sure that the job is done. That shouldn't be a problem=chuy n đó không có gì khó khăn c .

M t trong nh ng cách đ ch m d t m t cu c th o lu n là dùng nh ng câu nh : Is there anything else? Còn gì n a không? Have we covered everything? Chúng ta đã bàn th o h t m i chuy n ch a? Are we missing anything? Chúng ta có thi u đi u gì không? Is that it? =xong h t ch a? That's it=h t r i. In fact, as soon as I get back to Beijing, I'll see to it.=th c ra, ngay sau khi v B c Kinh, tôi s lo g i nh ng tài li u này cho ông.

Cut 5

Dialog: FIB Dialog, Blake and Gomez

Larry: Dialog

Larry: Mr. Gomez and Mr. Blake end their meeting.

That covers all the major points. Nh v y chúng ta đã bàn lu n v t t c nh ng đi m chính.

Blake: Why don't I send you some reports on our performance,...

... on the performance of the robots in some Japanese and Korean companies who are also our clients.

And I'm sure you'll be quite pleased with what you see.

Gomez: Okay, great. Could you get those off to me within a few weeks?

Blake: Sure. That shouldn't be a problem.

In fact, as soon as I get back to Beijing, I'll see to it.

Gomez: Excellent. Um, thank you very much.

Blake: Is there anything else?

Gomez: Well, no. That covers all the major points.

Blake: Okay. Fine.

Gomez: Sounds good.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Quý vị vừa đã học xong bài 164 trong Chương Trình Anh Ngữ Sinh Động New Dynamic English. Phạm Văn xin kính chào quý vị và xin hẹn gặp lại trong bài học tiếp theo.